

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN AN LÃO  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2023/HNGĐ-ST  
Ngày 06-3-2023  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Hải.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Phạm Thị Vĩnh;

Ông Nguyễn Văn Thắng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Gấm - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Đặng Gia Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 165/2022/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 12 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 172/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Khánh L, địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện A, Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Phạm Đức T, địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 11 năm 2022 và các bản tự khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Khánh L trình bày:

Chị Nguyễn Thị Khánh L và anh Phạm Đức T kết hôn năm 2022, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính cách không phù hợp, không tìm được tiếng nói chung, không tôn trọng nhau. Anh T không quan tâm chăm sóc, không dành thời gian cho vợ con, xúc phạm gia đình chị. Tháng 7 năm 2022, chị L bỏ về nhà bố mẹ để ở cùng thôn sinh sống. Vợ chồng ly thân, không quan tâm đến nhau. Nay chị L thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị L ly hôn anh T. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phạm Thanh N, sinh ngày 02 tháng 7 năm 2022. Chị L nhận nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai anh Phạm Đức T trình bày: Anh thống nhất với phần trình bày của chị L về thời gian, điều kiện kết hôn. Theo anh T vợ chồng mâu thuẫn do anh bận công việc, không có thời gian quan tâm đến vợ con nên chị L bỏ về nhà bố mẹ để ở cùng thôn và sống ly thân với anh từ khoảng tháng 10 năm 2022. Trong thời gian vợ chồng ly thân, anh T không đi tìm vì anh bận công việc. Nay chị L có đơn ly hôn, anh T không đồng ý. Đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng đoàn tụ với nhau; Về con chung: Anh T và chị L có 01 con chung là Phạm Thanh N, sinh ngày 02 tháng 7 năm 2022. Trường hợp ly hôn, anh T nhận nuôi con, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị L vắng mặt tại phiên tòa nhưng chị có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đã tuân thủ quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh T không tuân thủ các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử cho chị L được ly hôn anh T; về con chung: Giao con Phạm Thanh N, sinh ngày 02 tháng 7 năm 2022 cho chị L nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh T. Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu giải quyết, đề nghị Hội

đồng xét xử không xem xét; về án phí: Chị L phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**- Về tố tụng:**

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị L có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con đối với anh T. Anh T có nơi cư trú tại thôn Đ, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

[2] Nguyên đơn chị L vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L và anh T.

**- Về nội dung:**

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Khánh L và anh Phạm Đức T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng vào ngày 04 tháng 01 năm 2022 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính cách, lối sống không phù hợp, không tìm được tiếng nói chung. Anh T do bận công việc, không quan tâm đến gia đình, không dành thời gian chăm sóc vợ, con. Chị L bỏ về gia đình bố mẹ sinh sống từ tháng 7 năm 2022, vợ chồng không ly thân không quan tâm đến nhau. Quá trình xác minh chính quyền địa phương và gia đình thể hiện mâu thuẫn của chị L và anh T đã đến mức trầm trọng, không thể đoàn tụ được. Do đó, chị L xin ly hôn anh T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị L và anh T có 01 con chung là Phạm Thanh N, sinh ngày 02 tháng 7 năm 2022. Chị L và anh T đều có nguyện vọng được nuôi con. Xét chị L đang trực tiếp nuôi con, cháu N còn nhỏ rất cần sự chăm sóc của mẹ. Căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao cho chị L được nuôi con là phù hợp. Chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị L và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 235 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 19, 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chị Nguyễn Thị Khánh L được ly hôn anh Phạm Đức T.

2. Về con chung: Giao con Phạm Thanh N, sinh ngày 02 tháng 7 năm 2022 cho chị Nguyễn Thị Khánh L nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị Nguyễn Thị Khánh L không yêu cầu anh Phạm Đức T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Khánh L phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị Khánh L đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001408 ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị Khánh L đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Khánh L và bị đơn anh Phạm Đức T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày

nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND TP.Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu: Hồ sơ; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Hải**